

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1423/STP-VP
V/v chấm điểm thi đua, xếp hạng
Sở Tư pháp năm 2015.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 10 năm 2015

Kính gửi:

- Các Phòng chuyên môn và tương đương;
- Các đơn vị thuộc Sở Tư pháp;

Thực hiện Quyết định số 1801/QĐ-BTP ngày 10/10/2015 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua, xếp hạng Sở Tư pháp năm 2015.

Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu các đơn vị nghiên cứu nội dung Quyết định triển khai thực hiện chấm điểm thi đua theo từng nội dung lĩnh vực của đơn vị mình, gửi về Văn phòng Sở trước ngày **10/11/2015**.

Đề nghị các đơn vị cập nhật vào Cổng Thông tin điện tử của Sở theo địa chỉ <http://stp.dongnai.gov.vn> để tải nội dung văn bản nêu trên triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP.

**KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**
**SỞ
TƯ PHÁP**
ĐỒNG NAI

Huỳnh Minh Thiện

Số: 1801/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua, xếp hạng Sở Tư pháp
các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2015**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BTP ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng Tiêu chí chấm điểm và Phụ lục cách tính điểm thi đua, xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Ban Thi đua – Khen thưởng cùng cấp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc thực hiện Quyết định này, ký xác nhận, bảo đảm tính khách quan, chính xác trong việc tự chấm điểm của Sở Tư pháp.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Trưởng, Phó trưởng các Khu vực thi đua, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Thủ trưởng (để biết);
- Công Thông tin điện tử BTP (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Hùng Cường

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2015

BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA, XẾP HẠNG
SỞ TƯ PHÁP CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTP ngày tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Tổng số: 200 điểm.

STT	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM CỘNG, TRỪ		TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
			ĐIỂM CỘNG	ĐIỂM TRỪ		
1	2	3	4	5	6	7
A	TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2015	150				
I	CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ	15				
1	Công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	9				
	Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt	1				

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham gia rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản trái thẩm quyền ban hành và không đúng nội dung theo quy định của pháp luật hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Hiến pháp, các Luật mới được ban hành và các văn bản hướng dẫn thi hành	1					
Hoàn thành việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân giao; thẩm định 100% dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình và dự thảo Quyết định của UBND cấp tỉnh, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	3					
Có kế hoạch, chương trình cụ thể tổ chức triển khai Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	1					
Tổ chức lấy ý kiến nhân dân và các cơ quan có liên quan về các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư pháp, kịp thời, đúng thời gian quy định	1					
Có kế hoạch, chương trình cụ thể tổ chức thực hiện tái tổng kết thi hành các văn bản quy phạm pháp luật theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh và Bộ Tư pháp, tổng kết Nghị quyết 48-NQ/TW chiến lược xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 theo sự chỉ đạo của cấp trên	2					

2	Công tác pháp chế	6					
	Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch công tác pháp chế năm 2015 ở địa phương và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành	2					
	Phối hợp tham mưu, đề xuất với UBND cấp Tỉnh trung việc xây dựng, củng cố thành lập tổ chức pháp chế và có giải pháp nâng cao công tác này tại địa phương	2					
	Hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra công tác pháp chế của tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước ở địa phương	2					
II.	CÔNG TÁC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	15					
1	Tham mưu quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	6.5					
	Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương	1.5					
	Thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu của Bộ Tư pháp trong kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn	1.5					

	Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ này tại cấp huyện, cấp xã)	2					
	Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và Nghị định số 16/2013/NĐ-CP	1.5					
2	Công tác kiểm tra	5					
	Giúp UBND cấp tỉnh thực hiện công tác tự kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp tỉnh ban hành	1.5					
	Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền có hiệu quả (Kiểm tra 80% trở lên số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền)	1.5					
	Kịp thời xem xét, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và tham mưu xử lý theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được thông báo kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền; phát hiện và kiến nghị xử lý kịp thời đối với các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thông qua kiểm qua văn bản theo thẩm quyền	2					
3	Tổ chức thực hiện rà soát thường xuyên kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 16/2013/NĐ-CP	2					
4	Kịp thời công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực định kỳ hàng năm theo quy định	1.5					

III.	CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI CƠ SỞ, HƯỚNG ƯỚC, QUY ƯỚC VÀ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN Ở CƠ SỞ	15				
1	Tham mưu ban hành các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật hòa giải ở cơ sở; Chỉ thị số 32-CT/TW, Kết luận số 04-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định số 409/QĐ-TTg, Quyết định số 1133/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	2				
	Ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2015 (ban hành chậm nhất tháng 02/2015)	0.5				
	Ban hành Kế hoạch công tác của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2015	0.5				
	Ban hành văn bản hướng dẫn, tình hình tổ chức thực hiện, báo cáo sơ kết 03 năm việc triển khai thực hiện Quyết định số 409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	0.5				
	Ban hành văn bản hướng dẫn, tình hình tổ chức thực hiện và báo cáo sơ kết đánh giá 05 năm thực hiện Quyết định 06/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	0.5				
2	Ban hành Kế hoạch và thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả các Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	2.5				
	Đề án 2 “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước”	0.5				

	Dề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên”	0.5					
	Dề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân”	0.5					
	Dề án Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật tại môi số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2013-2016	0.5					
	Dề án đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân giai đoạn 2015-2020	0.5					
3	Tổ chức triển khai Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật	4					
	Hội đồng phối hợp PBGDPL tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Quy định tại Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ	1					
	Tham mưu ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật năm 2015	0.5					
	Tổ chức PBGDPL cho các đối tượng đặc thù theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật	0.5					
	Hướng dẫn, tổ chức các hoạt động xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để thu hút sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân như cơ quan truyền thông báo chí... hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác này	0.5					

	Cùng cổ, kiện toàn; tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và Thông tư số 21/2013/TT-BTP ngày 18/12/2013 của Bộ Tư pháp	0.5							
	Tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản bảo đảm kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác này	0.5							
	Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đổi mới nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Thông tư liên tịch số 30/2010/TT.LT-BGDDP-BTP ngày 16/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp	0.5							
4	Hướng ứng, tổ chức thành công Cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Thành lập Ban tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ giúp việc, triển khai cuộc thi...)	1.5							
5	Tổ chức triển khai Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật	3							
	Rà soát, đánh giá, cùng cổ, kiện toàn đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác hòa giải ở cơ sở, tổ hòa giải, đội ngũ hòa giải viên	0.5							
	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên ở địa phương	0.5							

	Tỷ lệ hòa giải thành cao đạt 80% (tỷ lệ hòa giải thành: tính tỷ lệ % giữa số vụ việc hòa giải thành trên tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải)	0.5					
	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hòa giải trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương	0.5					
	Tham mưu ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về kinh phí thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở	0.5					
	Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở trên địa bàn	0.5					
6	Tổ chức các hoạt động về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, khu dân cư	1					
	Ban hành Kế hoạch phối hợp khảo sát, đánh giá tình hình xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, khu dân cư của địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn triển khai tại địa phương	0.5					
	Tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thi hành pháp luật và thực trạng xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và những vấn đề đặt ra tại địa phương; có Báo cáo rà soát, đánh giá gửi Bộ Tư pháp đúng thời hạn nêu tại Công văn số 1306/BTP-PB/GDPL ngày 22/4/2015 của Bộ Tư pháp	0.5					

7	Tình hình thực hiện Quyết định 09/2013/QĐ-TTg và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai làm thử việc đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	1					
	Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung nhiệm vụ xây dựng địa phương tiếp cận pháp luật trong Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan tư pháp địa phương (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp) và các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có liên quan theo quy định Khoản 11 Điều 2 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BNV-BTP ngày 22/12/2014 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện	0.5					
	Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động theo trách nhiệm được giao tại Quyết định số 2143/QĐ-BTP ngày 18/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	0.5					
IV.	CÔNG TÁC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	15					
1	Có Báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện Luật TGPL theo yêu cầu của Bộ Tư pháp bảo đảm chất lượng và đúng thời hạn	3					
2	Triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác TGPL năm 2015	5					

	Kế hoạch công tác TGPL năm 2015 của địa phương phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm theo Công văn số 587/BTP-TGPL ngày 27/2/2015 của Bộ Tư pháp về việc nhiệm vụ trọng tâm công tác TGPL.	4					
	Kết quả thực hiện vụ việc, trong đó:	1					
	Số lượng vụ việc tham gia tố tụng năm 2015 tăng so với năm 2014	0,5					
	Số lượng vụ việc tư vấn pháp luật tại trụ sở, tư vấn pháp luật tiền tố tụng năm 2015 tăng so với năm 2014	0,5					
	Nếu kết quả thực hiện vụ việc của năm 2015 không tăng so với năm 2014		Không chấm điểm				
3	Đánh giá chất lượng vụ việc TGPL theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL	3					
	100% số vụ việc TGPL được đánh giá: đạt chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL	2					
	Không có khiếu nại về chất lượng vụ việc TGPL, từ người được TGPL hoặc có khiếu nại nhưng khiếu nại không đúng	1					
4	Thực hiện TGPL trong hoạt động tố tụng	4					
	Có ban hành Kế hoạch phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng ở địa phương	1					
	Số lượng người thuộc diện được trợ giúp pháp lý đã được Trung tâm cử người bảo chữa, bảo vệ/Số lượng người thuộc diện được trợ giúp pháp lý trong các vụ việc mà cơ quan tiến hành tố tụng tiếp nhận, thụ lý	1					

	100% Trợ giúp viên pháp lý (được bổ nhiệm từ 6 tháng trở lên) tham gia tổ tụng tư tưởng hợp khách quan	1					
	Thực hiện thông kê, báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT	1					
V	CÔNG TÁC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CÔNG TỊCH	15					
1	Lĩnh vực hộ tịch	8					
1.1	Có Kế hoạch và tổ chức triển khai có hiệu quả, chất lượng Kế hoạch thi hành Luật Hộ tịch	3					
	Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hộ tịch trước quý III/2015	0.5					
	Rà soát và có kết quả rà soát các văn bản QPPL liên quan đến Luật hộ tịch theo đúng Kế hoạch của Bộ Tư pháp	0.5					
	Rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch, đề xuất lộ trình đào tạo, bồi dưỡng theo đúng Kế hoạch	1					
	Tổ chức quán triệt Luật hộ tịch cho cán bộ, công chức; có các hình thức tuyên truyền, phổ biến Luật hộ tịch tới người dân trên địa bàn hiệu quả	1					
1.2	Chủ động thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, đăng ký hộ tịch cho người dân, hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ sở	2					
	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở, không để tình trạng đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ vượt cấp, không có Công văn xin ý kiến nghiệp vụ đối với những việc pháp luật đã quy định cụ thể	1					

	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đăng ký, quản lý hộ tịch của cơ quan tư pháp địa phương	0.5					
	Có sáng kiến, giải pháp tích cực trong việc đăng ký, quản lý hộ tịch	0.5					
1.3	Không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật trong đăng ký và quản lý hộ tịch	2					
	Không có cán bộ, công chức có vi phạm pháp luật trong đăng ký, quản lý hộ tịch	1					
	Không có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc đăng ký hộ tịch sai quy định	0.5					
	Không có kiến nghị, phản ánh về thái độ tiếp công dân không đúng mực, biểu hiện sách nhiễu, phiền hà	0.5					
1.4	Xử lý thông tin báo chí kịp thời, đúng thời hạn theo yêu cầu	1					
2	Lĩnh vực quốc tịch	2					
	Giải quyết các việc về quốc tịch theo đúng trình tự, thủ tục từ khi tiếp nhận đến khi trả kết quả (bảo đảm về tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, thời hạn giải quyết)	1.5					
	Chủ động tham mưu, đề xuất với Bộ Tư pháp xử lý các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn liên quan đến vấn đề quốc tịch	0.5					

3	Lĩnh vực chứng thực	5				
3.1	Triển khai thực hiện tốt Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về công tác chứng thực tại địa phương. Chủ động chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực cho địa phương	2.5				
	Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản theo thẩm quyền nhằm triển khai có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về chứng thực tại địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP	1				
	Kịp thời phối hợp với Sở Tài chính, Sở ngành liên quan, nghiên cứu trình UBND cấp tỉnh quy định mức trần chi phí chứng thực để áp dụng phù hợp, thống nhất trong địa phương	1				
	Bổ trí công chức Tư pháp ... Hộ tịch giúp UBND cấp xã thực hiện công tác chứng thực tại UBND cấp xã theo đúng quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (đối với những địa phương trước đây chưa bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch)	0.5				
3.2	Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng làm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính; Bảo cáo kết quả triển khai Chỉ thị số 17/CT-TTg đúng thời hạn và bảo đảm chất lượng báo cáo	2				

	Triển khai có hiệu quả Chỉ thị 17/CT-TTg; kiểm tra công tác chứng thực tại địa phương (cấp xã); kiểm tra, khảo sát tình hình triển khai Chỉ thị 17/CT-TTg tại các Sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	0.5					
	Đúng thời hạn	0.5					
	Bảo đảm chất lượng báo cáo	1					
3.3	Không để xảy ra vụ việc “nóng”, báo chí phản ánh về lĩnh vực chứng thực	0.5					
VI	CÔNG TÁC BỒ TRỢ TỰ PHÁP	20					
I	Lĩnh vực luật sư	6					
	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, thực hiện có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật luật sư; đôn đốc các Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 18, Điều 20, Điều 92a; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định	2					
	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 5/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ) và Đề án 123 (ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ)	2					

	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, xây dựng Kế hoạch về thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư để bảo đảm hoạt động của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh, thành phố theo đúng quy định của pháp luật	2					
2	Lĩnh vực công chứng	6					
	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền và tập huấn có hiệu quả Luật công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành	2					
	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, ban hành các văn bản theo thẩm quyền nhằm triển khai có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công chứng tại địa phương theo Điều 70 Luật Công chứng năm 2014	2					
	Các hoạt động khác liên quan đến việc triển khai và thi hành có hiệu quả Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành	1					
	Thành lập được Hội công chứng tại địa phương	1					
3	Lĩnh vực giám định tư pháp	4					
	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả Luật giám định tư pháp	1					
	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thi hành có hiệu quả Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 01/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp	1					

	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả và tổng kết Đề án “Đổi mới và nâng cao hoạt động giám định tư pháp” (ban hành kèm theo Quyết định 258/QĐ-TTg ngày 11/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ), Chỉ thị số 1958/CT-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường năng lực, hiệu quả hoạt động giám định tư pháp	2					
4	Lĩnh vực bán đấu giá tài sản	4					
	Triển khai Đề án “Phát triển và tăng cường năng lực đội ngũ đấu giá viên giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020” (ban hành kèm theo Quyết định 1076/QĐ-BTP ngày 10/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)	1					
	Phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành liên quan đến hoạt động bán đấu giá tài sản, kịp thời tham mưu đề xuất UBND cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành	1					
	Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi vi phạm pháp luật về bán đấu giá tài sản	1					
	Thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức bán đấu giá tài sản trong phạm vi địa phương	1					
VII	CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THU TỤC HÀNH CHÍNH	15					

1	Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính	2					
	Ban hành các Kế hoạch liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính đầy đủ, đúng hạn	1					
	Thực hiện báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính đúng hạn, đầy đủ nội dung	1					
2	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	2					
	Thực hiện đánh giá tác động 100% thủ tục hành chính trong quá trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	1					
	Thực hiện đầy đủ việc thẩm định và tham gia ý kiến về quy định thủ tục hành chính đảm bảo đúng thời hạn yêu cầu, bám sát nội dung quy định tại Điều 7, 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 48/2014/NĐ-CP	1					
3	Kiểm soát thực hiện thủ tục hành chính	7					
	Kiểm soát chất lượng đối với tất cả dự thảo Quyết định công bố do các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng	1					
	Công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác thủ tục hành chính theo quy định	0.5					

	Cập nhật thủ tục hành chính kịp thời, đầy đủ và chính xác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	0.5					
	Niêm yết kịp thời, chính xác, đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, thủ tục hành chính tại nơi giải quyết thủ tục hành chính	1					
	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định	2					
	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo đúng quy định và kế hoạch đã ban hành	1					
	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền theo đúng quy định	1					
4	Rà soát, đánh giá, đề xuất sáng kiến cải cách quy định, thủ tục hành chính	2					
	Có kết quả thực hiện kế hoạch rà soát	0.5					
	Có phương án đơn giản hóa được phê duyệt	1					
	Có sáng kiến cải cách quy định, thủ tục hành chính đã được Lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua	0.5					
5	Chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	2					
	Rà soát, công bố, chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh trước ngày 30/11/2015	1					

	Niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính sau khi quyết định công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa theo từng cấp giải quyết được ban hành trước ngày 31/12/2015	1					
VIII	CÔNG TÁC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT	15					
1	Công tác tổ chức triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính	3					
	Xây dựng Kế hoạch chung về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và được UBND tỉnh phê duyệt	1					
	Phối hợp tham mưu đề xuất UBND kiện toàn bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP	2					
2	Thực hiện các nhiệm vụ trong công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính	5					
	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh tổ chức các đợt kiểm tra, xây dựng kế hoạch kiểm tra; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để đảm bảo hoạt động xử lý vi phạm hành chính đúng pháp luật, hiệu quả	2					

IX NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC		25					
1	Công tác bồi thường nhà nước	5					
	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác bồi thường năm 2015 trên địa bàn nhằm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường thuộc nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-T-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	5					
2	Công tác Lý lịch tư pháp	10					
2.1	Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương	2					
	Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về lý lịch tư pháp	1					
	Thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lý lịch tư pháp	1					
2.2	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BTP ngày 09/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tăng cường, xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp	1					
	Xây dựng Kế hoạch triển khai Chỉ thị	0.5					
	Phổ biến, quán triệt nội dung của Chỉ thị	0.5					

2.3	Thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định của pháp luật	4.5					
	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1					
	Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	1					
	Thực hiện lập Lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung	1					
	Thực hiện cung cấp bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp khác	1					
	Thực hiện đúng quy định về rà soát số lượng thông tin lý lịch tư pháp cho các cơ quan cung cấp	0.5					
2.4	Thực hiện nhiệm vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp	2.5					
	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1					
	Thực hiện đúng trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ, trả Phiếu lý lịch tư pháp	1					
	Đảm bảo thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp	0.5					
3	Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	10					

3.1	Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm đúng thời hạn	2					
3.2	Triển khai thực hiện cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch	3.5					
	Triển khai thực hiện cuộc thanh tra hành chính	1					
	Triển khai thực hiện cuộc thanh tra chuyên ngành	1					
	Triển khai kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng	0.5					
	Kiểm tra sau thanh tra	1					
3.3	Công tác khiếu nại, giải quyết tố cáo	3					
	Tổ chức công tác tiếp dân	1					
	Xử lý đơn thư kịp thời, chính xác, đúng quy định	1					
	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh, các vụ việc, tố cáo phức tạp, các vụ việc tồn đọng được cơ quan thẩm quyền giao	1					
3.4	Công tác phòng, chống tham nhũng	1.5					
	Chấp hành nghiêm quy định về minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định	1					
	Công khai, minh bạch trong hoạt động của Sở Tư pháp	0.5					
B	THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC	50					
I	THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	15					

1	Chế độ báo cáo công tác định kỳ	9					
	Báo cáo đúng tiến độ và thời gian quy định (theo các công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp)	2					
	Gửi kèm văn bản điện tử	1					
	Bảo đảm kết cấu, chất lượng (đầy đủ các mặt công tác; đưa ra nhận xét, đánh giá về ưu điểm, tồn tại, hạn chế, phương hướng, nhiệm vụ)	3					
	Bảo đảm tính chính xác (số liệu báo cáo và các đánh giá, nhận xét sát với tình hình thực tế)	3					
2	Chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP	6					
	Đủ số lượng, biểu báo cáo thống kê, có chữ ký và đóng dấu của người có thẩm quyền theo Thông tư 20/2013/TT-BTP	1					
	Đúng thời hạn nộp báo cáo, đúng thể thức báo cáo theo quy định	1					
	Tính đúng (không cộng sai, khớp các nhóm phân tổ trong cùng một chỉ tiêu, không nhầm về đơn vị tính)	2					
	Đủ thông tin chi tiết trong biểu mẫu	1					
	Nội dung số liệu bảo đảm tính hợp lý	1					
II	CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG NGÀNH VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ	25					

1	Kịp thời triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV tại địa phương	5					
	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV	3					
	Thực hiện phổ biến, quán triệt, hướng dẫn triển khai Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BNV-BNV	2					
2	Tham mưu, trình UBND cấp tỉnh kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan tư pháp địa phương theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV	10					
	Xây dựng, trình UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV	3					
	Thực hiện rà soát biên chế công chức, viên chức, đề xuất cơ quan có thẩm quyền phân bổ, điều chỉnh số lượng biên chế công chức, viên chức của Sở Tư pháp, bảo đảm triển khai thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và quy định của pháp luật	3					
	Hướng dẫn các Phòng Tư pháp trên địa bàn trình cấp có thẩm quyền các văn bản, đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, biên chế của Phòng Tư pháp theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và quy định của pháp luật	4					

3	Tham mưu kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã tại địa phương, bảo đảm không bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch kiêm nhiệm chức danh khác theo đúng quy định. Đến cuối năm 2015 bảo đảm 50% số UBND cấp xã có 02 cán bộ Tư pháp – Hộ tịch chuyên trách, 90% số cán bộ có trình độ Trung cấp Luật trở lên	6				
4	Tập thể đoàn kết, tổ chức đảng và các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh, xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo và chế độ chính sách đối với công chức, viên chức	4				
	Tập thể đoàn kết, tổ chức đảng và các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh, xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch và chế độ chính sách đối với công chức, viên chức	2				
	Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã theo quy định	2				
III.	CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG	10				
1	Công tác thi đua	7				
	Thực hiện phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua	1				
	Tổ chức thành công Hội nghị điển hình tiên tiến cấp cơ sở đảm bảo theo Kế hoạch và Hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1				

Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động, kết hợp chặt chẽ giữa thực hiện phong trào thi đua thường xuyên "Đoàn kết, sáng tạo, kỷ cương, trách nhiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2015, lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp (28/8/1945 – 28/8/2015) và Đại hội thi đua yêu nước ngành Tư pháp lần thứ IV" với các phong trào thi đua theo chuyên đề như: phong trào thi đua "Cơ quan tư pháp địa phương thi đua lập thành tích, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của ngành Tư pháp năm 2015", phong trào thi đua "Cán bộ ngành Tư pháp tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; Phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp (28/8/1945 – 28/8/2015) và Đại hội thi đua yêu nước ngành Tư pháp lần thứ IV	3					
Hướng ứng, tổ chức triển khai có hiệu quả phong trào thi đua do địa phương phát động; chủ động phát động và tổ chức triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua phù hợp điều kiện thực tế của cơ quan đơn vị (nếu có)		1				
Tổ chức các hoạt động sơ kết giải đoạn 1 (2012-2015) phong trào thi đua "Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới" theo đảm bảo theo đúng Kế hoạch của Bộ Tư pháp	1					

	Tổ chức công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến	1					
2	Công tác khen thưởng	3					
	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng đảm bảo khách quan, chính xác đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng	1					
	Đảm bảo tỷ lệ đề nghị khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng	2					
	TỔNG ĐIỂM	200					

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2015

PHỤ LỤC

Cách tính điểm thi đua, xếp hạng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-BTP ngày 10/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

A. CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

I. TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA SỐ TƯ PHÁP VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ CHẤM CHO SỐ TƯ PHÁP

1. Cách tính điểm tự chấm của Sở Tư pháp và của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp

Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí đã được quy định, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức đánh giá, tự chấm điểm thi đua; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ xét, đánh giá mức độ hoàn thành của các tiêu chí, tổ chức đánh giá, chấm điểm cho Sở Tư pháp như sau:

- a) Tiêu chí nào hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng thì đạt số điểm chuẩn như quy định;
- b) Tiêu chí nào hoàn thành vượt số lượng, trước tiến độ, bảo đảm chất lượng thì số điểm đạt được = số điểm chuẩn + số điểm cộng (điểm cộng không quá 0.5 điểm/tiêu chí và tổng số điểm cộng cho 01 lĩnh vực công tác tối đa không quá 03 điểm và phải nêu rõ lý do vào mục ghi chú);

c) Tiêu chí nào đã thực hiện nhưng chưa hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả thì số điểm được được tính = Số điểm chuẩn - điểm trừ (tương ứng mức độ chưa hoàn thành và tối thiểu không dưới 0.25 điểm và phải nêu rõ lý do vào mục ghi chú);

d) Tiêu chí nào chưa thực hiện được thì tính điểm 0.

2. Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác

Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác từ 01/01/2015 và ước tính đến 31/12/2015.

3. Thời gian gửi kết quả tự chấm điểm của Sở Tư pháp

Kết quả điểm tự chấm của Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) đồng thời gửi về Khu vực thi đua trước ngày 10 tháng 11 năm 2015.

4. Thời gian gửi kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp

Kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 05 tháng 11 năm 2015.

Lưu ý: Khi gửi kết quả chấm điểm, ngoài việc gửi theo đường công văn, Sở Tư pháp, các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực đối với Sở Tư pháp đồng thời gửi file điện tử của kết quả chấm điểm (định dạng .xls hoặc .doc) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp: thidua khen thưởng@moj.gov.vn.

II. CÁCH TÍNH TỔNG SỐ ĐIỂM THI ĐUA ĐỂ XÉT, ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SỞ TƯ PHÁP CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP

Trên cơ sở kết quả tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp và tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp, cách tính tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp như sau:

1. Trường hợp 1

Nếu tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp và tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp có mức chênh lệch dưới 15 điểm thì áp dụng công thức tính:

$$\text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng} =$$

$$\frac{\text{Tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp} + \text{Tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp}}{2}$$

Ví dụ: - Sở Tư pháp tỉnh A tự chấm tổng điểm đạt **198 điểm**.

- Các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp tỉnh A đạt tổng điểm **194 điểm**.

Kết quả:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp} \\ \text{hạng đối với Sở Tư pháp tỉnh A} \end{array} = \frac{198 + 194}{2} = 196 \text{ điểm}$$

2. Trường hợp 2

Nếu tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp và tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp có mức chênh lệch từ **15 điểm đến dưới 25 điểm** thì áp dụng công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số điểm thi đua để} \\ \text{xét, đánh giá xếp hạng} \end{array} = \frac{\text{Tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp} + (\text{Tổng điểm của} \\ \text{các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp} \times 2)}{3}$$

Ví dụ: - Sở Tư pháp tỉnh B tự chấm tổng điểm đạt **198 điểm**.

- Các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp tỉnh B đạt tổng điểm **180 điểm**.

Kết quả:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp} \\ \text{hạng đối với Sở Tư pháp tỉnh B} \end{array} = \frac{198 + (180 \times 2)}{3} = 186 \text{ điểm}$$

3. Trường hợp 3

Nếu tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp và tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp có mức chênh lệch từ **25 điểm** trở lên thì Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra, làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để phối hợp đánh giá thực chất làm cơ sở xếp hạng chính xác.

B. XẾP HẠNG

Trên cơ sở kết quả các mặt công tác đã đạt được trong năm 2015, kết quả chấm điểm thi đua đối với các Sở Tư pháp, nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành các tiêu chí và chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý các lĩnh vực, nhiệm vụ của Sở Tư pháp và ý kiến chỉ đạo của tập thể Lãnh đạo Bộ về cơ cấu, số lượng các hạng thi đua trong năm 2015, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xem xét, báo cáo xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ và trình Bộ trưởng xem xét, quyết định xếp hạng các Sở Tư pháp năm 2015 thành 4 hạng: **Hạng A** (xuất sắc), **Hạng B** (khá), **Hạng C** (trung bình) và **Hạng D** (yếu). Cụ thể như sau:

I. HẠNG A

Lựa chọn, xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **185** điểm trở lên.

II. HẠNG B

Lựa chọn, xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **165** đến dưới **185** điểm.

III. HẠNG C

Xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **150** đến dưới **165** điểm.

IV. HẠNG D

Các Sở Tư pháp đạt dưới **150** điểm./.

Số: 3710/BTP-TĐKT
V/v xét và đề nghị khen thưởng
tổng kết năm 2015

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2015

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- Trưởng, Phó Trưởng các Cục, Khu vực thi đua.

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các phong trào thi đua của ngành Tư pháp, Bộ Tư pháp yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện một số nội dung trong bình xét các danh hiệu thi đua và đề nghị Bộ Tư pháp khen thưởng như sau:

A. YÊU CẦU TRONG BÌNH XÉT, ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

- Bảo đảm thực chất, khách quan, công bằng trong việc bình xét, suy tôn đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
- Bảo đảm đúng đối tượng, thành tích; đủ thủ tục, hồ sơ; đúng thời gian theo quy định.

B. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ TIÊU XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

I. ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ VÀ CÁC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

1. Đối tượng khen thưởng

1.1. Tập thể

Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; Cục Thi hành án dân sự; Chi cục Thi hành án dân sự; tập thể nhỏ thuộc các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự.

1.2. Cá nhân

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác, làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; Cục Thi hành án dân sự; Chi cục Thi hành án dân sự, kể cả công chức, viên chức đang trong thời gian tập sự, nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn, nhân viên hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên.

2. Loại hình được khen thưởng

Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (*khen thưởng thường xuyên hàng năm*).

3. Tiêu chuẩn và chỉ tiêu xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

3.1. Danh hiệu thi đua

3.1.1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

a) “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể là đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;
- Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số các tập thể đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua ngành Tư pháp”;
- Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Mỗi Cụm thi đua lựa chọn, bình xét, đề nghị không quá 02 tập thể, mỗi Khu vực thi đua lựa chọn, bình xét, đề nghị không quá 03 tập thể dẫn đầu trong số những tập thể được bình xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp” để đề nghị Bộ Tư pháp xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Bộ Tư pháp trình Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” đảm bảo số lượng không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp”.

b) “Cờ thi đua ngành Tư pháp”

Danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” được xét tặng cho tập thể là các đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự đạt tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua do ngành Tư pháp phát động và đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong Bộ, ngành Tư pháp học tập;

- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

- Được Cụm, Khu vực thi đua họp bình xét, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”.

Mỗi Cụm thi đua lựa chọn, bình xét, đề nghị không quá 04 tập thể; Khu vực thi đua đồng bằng Bắc bộ và Khu vực miền Đông Nam bộ lựa chọn, bình xét không quá 04 Cục Thi hành án dân sự và không quá 11 Chi cục Thi hành án dân sự (trong đó, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được đề nghị không quá 03 Chi cục Thi hành án dân sự); các Khu vực thi đua khác lựa chọn, bình xét, đề nghị không quá 04 Cục Thi hành án dân sự, 09 Chi cục Thi hành án dân sự để đề nghị Bộ xét, tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp”.

c) “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể là các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; Cục Thi hành án dân sự; Chi cục Thi hành án dân sự; tập thể nhỏ thuộc các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

- 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân của đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tỷ lệ đề nghị xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 40% (số lẻ 0,5 trở lên làm tròn thành 01 tập thể) tổng số tập thể được công nhận là “Tập thể lao động tiên tiến” của mỗi đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự.

d) “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có trên 50% cá nhân trong đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có thời gian hoạt động từ 01 năm (12 tháng) trở lên.

3.1.2. *Danh hiệu thi đua đối với cá nhân*

a) “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan thi hành án dân sự địa phương đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp”, trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;
- Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp” lần thứ hai.

Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp xem xét lựa chọn, bình xét không quá 08 cá nhân tiêu biểu xuất sắc nhất đủ tiêu chuẩn được các đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương suy tôn, trình Bộ trưởng xem xét trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

b) “Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp”

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp” được xét tặng cho cá nhân đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ và cơ quan thi hành án dân sự địa phương đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;
- Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác hoặc đề tài nghiên cứu khoa học có tác dụng, phạm vi ảnh hưởng đối với Bộ, ngành Tư pháp được Hội đồng Khoa học, Hội đồng Sáng kiến ngành Tư pháp công nhận.

Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp” là năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

Mỗi đơn vị thuộc Bộ lựa chọn, bình xét không quá 01 cá nhân (riêng Trường Đại học Luật Hà Nội không quá 03 cá nhân); mỗi Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn, bình xét không quá 02 cá nhân thuộc cơ quan thi hành án dân sự địa phương (riêng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh không quá 03 cá nhân) tiêu biểu xuất sắc nhất đủ tiêu chuẩn trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xem xét trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

c) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là “Lao động tiên tiến”;
- Có sáng kiến là giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc đề tài nghiên cứu khoa học tăng hiệu quả công tác được Hội đồng Khoa học, Hội đồng Sáng kiến của cơ quan, đơn vị công nhận hoặc đã được nghiệm thu áp dụng.

Mỗi đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho không quá 15% (số lẻ 0,5 trở lên làm tròn thành 01 cá nhân) trong số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị mình.

d) “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

Khi xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cần chú ý một số trường hợp sau:

- Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ). Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

- Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

3.2. Hình thức khen thưởng

3.2.1. Đối với tập thể

a) “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”

“Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn sau: có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Mỗi đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự đề nghị tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” cho không quá 50% trên tổng số tập thể được bình xét hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (*đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”*).

b) Giấy khen

Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau: hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp

hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3.2.2. Đối với cá nhân

a) “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”

“Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến, giải pháp áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở được Hội đồng Sáng kiến cấp của cơ quan, đơn vị công nhận.

Mỗi đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự đề nghị tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” cho không quá 50% trên tổng số cá nhân được bình xét hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (*đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”*).

b) Giấy khen

Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ, của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau: hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

II. ĐỐI VỚI CÁC SỞ TƯ PHÁP VÀ CỤC THI HÀNH ÁN BỘ QUỐC PHÒNG

1. Đối tượng khen thưởng

1.1. Tập thể

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tập thể nhỏ thuộc các Sở Tư pháp; Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng; phòng Thi hành án quân khu và tương đương.

1.2. Cá nhân

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác, làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, phòng Thi hành án quân khu và tương đương, kể cả công chức, viên chức đang trong thời gian tập sự, nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn, nhân viên hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên.

2. Loại hình được khen thưởng

Khen thưởng theo chuyên đề.

3. Tiêu chuẩn và chỉ tiêu xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

3.1. “Cờ Thi đua ngành Tư pháp”

Danh hiệu “Cờ Thi đua ngành Tư pháp” được xét tặng cho Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua theo chuyên đề *“Cơ quan tư pháp địa phương thi đua, lập thành tích, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của ngành Tư pháp năm 2015”* ban hành kèm theo Quyết định số 846/QĐ-BTP ngày 05 tháng 05 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và đạt các tiêu chuẩn sau: có thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; có nhân tố mới, mô hình mới cách làm hay trong phong trào thi đua; đơn vị không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước.

Mỗi Khu vực thi đua lựa chọn, bình xét không quá 06 Sở Tư pháp đề nghị Bộ xét, tặng danh hiệu “Cờ Thi đua ngành Tư pháp” trong phong trào thi đua.

3.2. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”

3.2.1. Đối Sở Tư pháp

- “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho tập thể Sở Tư pháp và các tập thể là đơn vị thuộc Sở Tư pháp có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề *“Cơ quan tư pháp địa phương thi đua, lập thành tích, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của ngành Tư pháp năm 2015”* do Bộ Tư pháp phát động và hoàn thành tốt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; đơn vị không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Mỗi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn, bình xét, đề nghị không quá 03 tập thể đạt tiêu chuẩn đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Bằng khen.

- “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho cá nhân làm việc tại các đơn vị thuộc Sở Tư pháp có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề *“Cơ quan tư pháp địa phương thi đua, lập thành tích, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của ngành Tư pháp năm 2015”* do Bộ Tư pháp phát động và hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ

công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Mỗi Sở Tư pháp lựa chọn, bình xét, đề nghị không quá 03 cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác, làm việc thuộc Sở Tư pháp đạt tiêu chuẩn để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Bằng khen.

3.2.2. Cục Thi hành án Bộ quốc phòng

a) “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho Cục Thi hành án Bộ quốc phòng; phòng Thi hành án quân khu và tương đương có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề *“Đoàn kết, sáng tạo, kỷ cương, trách nhiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2015, lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp (28/8/1945–28/8/2015) và Đại hội thi đua yêu nước ngành Tư pháp lần thứ IV”* do Bộ Tư pháp phát động và hoàn thành tốt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; đơn vị không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Cục Thi hành án Bộ quốc phòng lựa chọn, bình xét, đề nghị không quá 03 tập thể đạt tiêu chuẩn để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Bằng khen.

b) “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho cá nhân làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Cục Thi hành án Bộ quốc phòng; phòng Thi hành án quân khu và tương đương có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề *“Đoàn kết, sáng tạo, kỷ cương, trách nhiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2015, lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp (28/8/1945–28/8/2015) và Đại hội thi đua yêu nước ngành Tư pháp lần thứ IV”* do Bộ Tư pháp phát động và hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng lựa chọn, bình xét, đề nghị không quá 03 cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác, làm việc tại Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, phòng Thi hành án quân khu và tương đương đạt tiêu chuẩn để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Bằng khen.

C. THỦ TỤC VÀ THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

I. THỦ TỤC VÀ THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP VÀ CỤM, KHU VỰC THI ĐUA XÉT KHEN THƯỞNG

1. Thủ tục và thời hạn nộp hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp

1.1. Thủ tục, hồ sơ

Hồ sơ đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp (Vụ Thi đua - Khen thưởng) gồm các văn bản sau:

a) Tờ trình đề nghị của Thủ trưởng đơn vị, nơi có tập thể, cá nhân được đề nghị, suy tôn *(01 bản chính - kèm theo danh sách trích ngang của tập thể, cá nhân được đề nghị)*;

b) Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở, nơi có tập thể, cá nhân được đề nghị, suy tôn *(01 bản chính)*;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, phải có nhận xét, đề nghị, ký tên, đóng dấu (nếu có) của cấp trên quản lý trực tiếp.

- Đối với tập thể là Cục Thi hành án dân sự, cá nhân là Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự khi đề nghị xét, tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp”, “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” gửi kèm theo báo cáo thành tích, có ý kiến đề nghị bằng văn bản của lãnh đạo UBND cấp tỉnh là Trưởng Ban chỉ đạo thi hành án dân sự *(01 bản chính)*.

- Đối với tập thể là Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cá nhân là Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng khi đề nghị xét, tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” báo cáo thành tích, phải có xác nhận của Lãnh đạo cấp trên trực tiếp phụ trách công tác Thi hành án Bộ Quốc phòng *(01 bản chính)*.

1.2. Thời hạn nộp hồ sơ

Hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 17/11/2015. Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng gửi hồ sơ đề nghị về Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp (thời hạn gửi do Tổng cục hướng dẫn) để tổng hợp có ý kiến và gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng theo thời gian quy định trên.

2. Thủ tục và thời hạn nộp hồ sơ đề nghị Cụm, Khu vực thi đua

2.1. Thủ tục, hồ sơ

Hồ sơ đề nghị Cụm, Khu vực thi đua suy tôn tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp”, “Cờ thi đua của Chính phủ” gồm các văn bản sau:

a) Tờ trình đề nghị của Thủ trưởng đơn vị, nơi có tập thể được đề nghị, suy tôn (01 bản chính - kèm theo danh sách trích ngang của tập thể được đề nghị);

b) Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở, nơi có tập thể được đề nghị, suy tôn (01 bản chính);

c) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị, có nhận xét, đề nghị, ký tên, đóng dấu (nếu có) của cấp trên quản lý trực tiếp. Đối với Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương khi đề nghị xét tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp”, “Cờ thi đua của Chính phủ” kèm theo báo cáo thành tích, phải có ý kiến đề nghị của lãnh đạo UBND cấp tỉnh là Trưởng Ban chỉ đạo thi hành án dân sự (01 bản chính).

2.2. Thời hạn nộp hồ sơ

Thời hạn các cơ quan, đơn vị gửi Hồ sơ đề nghị Cụm, Khu vực suy tôn tặng danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”, “Cờ thi đua của Chính phủ” do Trưởng Cụm, Khu vực thi đua hướng dẫn để đảm bảo thời gian tổng hợp, bình xét các danh hiệu trên tại Hội nghị tổng kết phong trào thi đua của Cụm, Khu vực mình theo quy định.

II. THỦ TỤC VÀ THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ CỦA CỤM, KHU VỰC THI ĐUA ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP XÉT KHEN THƯỞNG

1. Thủ tục, hồ sơ

Hồ sơ của Cụm, Khu vực thi đua gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp gồm các văn bản sau:

a) Tờ trình đề nghị của Trưởng Cụm, Khu vực thi đua (01 bản chính - kèm theo danh sách trích ngang của các tập thể được suy tôn tại Hội nghị của Cụm, Khu vực thi đua);

b) Biên bản Hội nghị của Cụm, Khu vực thi đua (01 bản chính);

c) Biên bản kiểm phiếu và kết quả suy tôn của Cụm, Khu vực thi đua (01 bản chính);

d) Hồ sơ của các tập thể thuộc đối tượng được Cụm, Khu vực thi đua suy tôn (01 bản chính).

2. Thời hạn nộp hồ sơ

Các Cụm, Khu vực thi đua có trách nhiệm tổng hợp kết quả bình xét suy tôn tại các Cụm, Khu vực thi đua, gửi hồ sơ (01 bộ) về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp (Vụ Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất là sau 05 ngày, kể từ ngày kết thúc Hội nghị Tổng kết của Cụm, Khu vực thi đua.

Lưu ý: Khi gửi hồ sơ đề nghị xét tặng, ngoài việc gửi theo đường công văn, các cơ quan, đơn vị, Cụm, Khu vực thi đua đồng thời gửi file điện tử của hồ sơ (ở định dạng .doc đối với các tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích; ở định dạng .pdf đối với các văn bản khác có liên quan) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp: thidukhenthuong@moj.gov.vn.

Nhận được công văn này, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện. Quá trình triển khai nếu có vướng mắc, phản ánh về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp (Vụ Thi đua - Khen thưởng) để báo cáo Lãnh đạo xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các thành viên HĐTĐKT Ngành (để biết);
- Công TTĐT của Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Phan Chí Hiếu